

UBND THÀNH PHỐ KON TUM
TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I – NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: TIN HỌC – LỚP 6

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNK Q	TL	
1	Chủ đề 1	Nội dung 1: Thông tin và dữ liệu (1 tiết)	4 (1,0)		2 (0,5)						15% (1,5 điểm)
		Nội dung 2: Xử lý thông tin và Thông tin trong máy tính (3 tiết)	2 (0,5)		3 (0,75)			1 (1,0)		1 (1,0)	42,5% (4,25 điểm)
2	Chủ đề 2	Nội dung 1: Mạng máy tính và internet (3 tiết)	10 (2,5)		7 (1,75)						42,5% (4,25 điểm)
Tổng			16		12			1		1	100% (10,0 điểm)
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- MÔN: TIN HỌC – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	Thông tin và dữ liệu	Nhận biết Trong các tình huống cụ thể : - Phân biệt được thông tin với vật mang tin. (Câu 1,2) - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. (Câu 3,4) Thông hiểu - Nêu được ví dụ minh họa về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. (Câu 5,6) - Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin và vật mang tin Vận dụng - Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.	4 (TN) (1-4)	2 (TN) (5,6)		
		Xử lý thông tin và Thông tin trong máy tính	Nhận biết - Nhận biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. (Câu 7) - Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1GB xấp xỉ 1 tỷ byte. (Câu 8) Thông hiểu	2 (TN) (7,8)	3 (TN) (9-11)	1 (TL) (29)	1 (TN) (30)

			- Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai ký hiệu 0 và 1. (Câu 9,10,11) Vận dụng - Phân tích được các hoạt động xử lý thông tin. (Câu 29) Vận dụng cao - Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,...(Câu 30)				
2	Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet	Giới thiệu về mạng máy tính và Internet	Nhận biết - Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính (Câu 12,13) - Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,... (Câu 14,15,16,17) - Nêu được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet (Câu 18,19,20,21) Thông hiểu - Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây. (Câu 22,23,24,25,26,27,28)	10 (TN) (12-21)	7 (TN) (22-28)		
Tổng				16 (TN)	12 (TN)	1 (TL)	1 (TL)
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 601

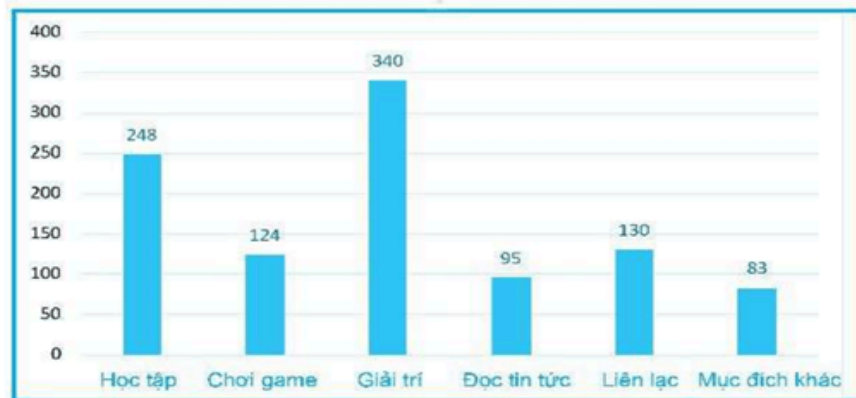
I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Công cụ nào sau đây **không** là vật mang tin?

- A. Xô, chậu. B. Thẻ nhớ. C. Cuộn phim D. Giấy.

Câu 2. Bạn Khoa vẽ biểu đồ trên giấy như sau:



Hình 3. Biểu đồ cột

Theo em tờ giấy của bạn Khoa đóng vai trò là gì?

- A. Vật mang tin. B. Thông tin. C. Dữ liệu. D. Tất cả đều đúng.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Thông tin đem lại cho con người sự hiểu biết.
B. Thông tin là những gì có giá trị, dữ liệu là những thứ vô giá trị.
C. Thông tin có thể làm thay đổi hành động của con người.
D. Sự tiếp nhận thông tin phụ thuộc vào sự hiểu biết của mỗi người.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao.
B. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra.
C. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.
D. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.

Câu 5. Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là gì?

A. Dữ liệu được lưu trữ.

B. Thông tin vào.

C. Thông tin ra.

D. Thông tin máy tính.

Câu 6. Thông tin dạng âm thanh là thông tin nào bên dưới đây?

A. Tiếng chim hót.

B. Đi học mang theo áo mưa.

C. Ăn sáng trước khi đến trường.

D. Hẹn bạn Hương cùng đi học.

Câu 7. Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là

A. digit.

B. byte.

C. kilobyte.

D. bit.

Câu 8. Một gigabyte xấp xỉ bằng:

A. một nghìn byte.

B. một triệu byte.

C. một tỉ byte.

D. một nghìn tỉ byte.

Câu 9. Một bit được biểu diễn bằng:

A. chữ số bất kì.

B. một chữ cái.

C. kí hiệu 0 hoặc 1.

D. một kí hiệu đặc biệt.

Câu 10. Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì:

A. dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn.

B. dãy bit được xử lí dễ dàng hơn.

C. dãy bit đáng tin cậy hơn.

D. máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1.

Câu 11. Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng:

A. số thập phân.

B. dãy bit.

C. thông tin.

D. các kí tự.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính.

B. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.

C. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính.

D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính.

Câu 13. Trong các nhận định sau, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.

B. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.

C. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.

D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.

Câu 14. Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ

A. máy in.

B. máy quét.

C. bàn phím và chuột.

D. dữ liệu.

Câu 15. Mạng máy tính gồm các thành phần:

A. máy tính và thiết bị kết nối.

B. máy tính và phần mềm mạng.

C. thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.

D. thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

Câu 16. Phát biểu *sai* là?

A. Đường truyền dữ liệu có hai loại: nhìn thấy và không nhìn thấy.

B. Đường truyền dữ liệu nhìn thấy sử dụng dây dẫn mạng.

C. Kết nối không dây giúp người sử dụng có thể linh hoạt thay đổi vị trí mà vẫn duy trì kết nối mạng.

D. Kết nối không dây chỉ dùng với thiết bị di động.

Câu 17. Thiết bị đầu cuối nào có thể kết nối Bộ chuyển mạch (Switch)?

A. Tivi.

B. Máy in.

C. Điện thoại thông minh.

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.

B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.

C. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.

D. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 19. Phát biểu nào *không đúng* khi nói về Internet?

A. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.

B. Một mạng kết nối các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin, ...

C. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.

D. Một mạng kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lý.

Câu 20. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

A. Laptop.

B. Máy tính.

C. Internet.

D. Mạng máy tính.

Câu 21. Phát biểu nào sau đây *không phải* là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

A. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

- B. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.
- C. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến.
- D. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.

Câu 22. Một máy tính ở Hà Nội kết nối với một máy tính ở thành phố Hồ Chí Minh để có thể sao chép tệp và gửi thư điện tử. Theo em, được xếp vào những loại mạng nào?

- A. Mạng có dây. B. Mạng LAN. C. Mạng WAN. D. Mạng không dây.

Câu 23. Dựa vào môi trường truyền dẫn ta phân mạng máy tính thành hai loại là:

- A. mạng nhiều máy tính và một máy tính.
- B. LAN và WAN.
- C. mạng không dây và mạng có dây.
- D. mạng Khách – Chủ.

Câu 24. Em hãy cho biết vì sao người dung có thể tiếp cận, chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lí khi kết nối vào?

- A. Máy tính. B. Laptop. C. mạng máy tính D. Mạng internet.

Câu 25. Trong trường hợp nào dưới đây mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây?

- A. Trao đổi thông tin khi di chuyển.
- B. Trao đổi thông tin cần tính bảo mật cao.
- C. Trao đổi thông tin tốc độ cao.
- D. Trao đổi thông tin cần tính ổn định.

Câu 26. Phát biểu nào sau đây nêu **sai** đặc điểm của mạng không dây và mạng có dây?

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng cáp.
- B. Mạng không dây kết nối các máy tính bằng sóng điện từ (sóng vô tuyến).
- C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các điện thoại di động.
- D. Mạng có dây có thể đặt cáp đến bất cứ địa điểm và không gian nào.

Câu 27. Phát biểu nào sau đây **không chính xác**?

- A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.
- B. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.
- C. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.
- D. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại.

Câu 28. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.

B. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng dây dẫn mạng.

C. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn.

D. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, tivi, tủ lạnh, ...

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 29 (2,0 điểm): Phân tích quá trình giải bài toán tính chu vi hình chữ nhật?

Câu 30 (1,0 điểm): Một thẻ nhớ có dung lượng 1Gb thì chứa được bao nhiêu bức hình có dung lượng 2Mb?

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 602

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Phát biểu nào sau đây nêu **sai** đặc điểm của mạng không dây và mạng có dây?

- A. Mạng có dây có thể đặt cáp đến bất cứ địa điểm và không gian nào.
- B. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các điện thoại di động.
- C. Mạng không dây kết nối các máy tính bằng sóng điện từ (sóng vô tuyến).
- D. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng cáp.

Câu 2. Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ

- A. bàn phím và chuột.
- B. dữ liệu.
- C. máy in.
- D. máy quét.

Câu 3. Phát biểu **sai** là?

- A. Kết nối không dây chỉ dùng với thiết bị di động.
- B. Đường truyền dữ liệu nhìn thấy sử dụng dây dẫn mạng.
- C. Đường truyền dữ liệu có hai loại: nhìn thấy và không nhìn thấy.
- D. Kết nối không dây giúp người sử dụng có thể linh hoạt thay đổi vị trí mà vẫn duy trì kết nối mạng.

Câu 4. Thông tin dạng âm thanh là thông tin nào bên dưới đây?

- A. Ăn sáng trước khi đến trường.
- B. Hẹn bạn Hương cùng đi học.
- C. Tiếng chim hót.
- D. Đi học mang theo áo mưa.

Câu 5. Một bit được biểu diễn bằng:

- A. một kí hiệu đặc biệt.
- B. một chữ cái.
- C. chữ số bất kì.
- D. kí hiệu 0 hoặc 1.

Câu 6. Công cụ nào sau đây **không** là vật mang tin?

- A. Cuộn phim
- B. Thẻ nhớ.
- C. Giấy.
- D. Xô, chậu.

Câu 7. Một máy tính ở Hà Nội kết nối với một máy tính ở thành phố Hồ Chí Minh để có thể sao chép tệp và gửi thư điện tử. Theo em, được xếp vào những loại mạng nào?

- A. Mạng WAN.
- B. Mạng LAN.
- C. Mạng không dây.
- D. Mạng có dây.

Câu 8. Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là

- A. kilobyte. B. byte. C. bit. D. digit.

Câu 9. Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng:

- A. số thập phân. B. dãy bit. C. thông tin. D. các kí tự.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, tivi, tủ lạnh, ...

B. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn.

C. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.

D. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng dây dẫn mạng.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây **không chính xác**?

A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.

B. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại.

C. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.

D. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.

Câu 12. Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì:

A. dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn.

B. dãy bit đáng tin cậy hơn.

C. dãy bit được xử lý dễ dàng hơn.

D. máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1.

Câu 13. Phát biểu nào **không đúng** khi nói về Internet?

A. Một mạng kết nối các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin, ...

B. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.

C. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.

D. Một mạng kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lí.

Câu 14. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

- A. Internet. B. Mạng máy tính. C. Máy tính. D. Laptop.

Câu 15. Em hãy cho biết vì sao người dùng có thể tiếp cận, chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi kết nối vào?

- A. Máy tính. B. Mạng internet. C. Laptop. D. mạng máy tính

Câu 16. Phát biểu nào sau đây **không phải** là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

- A. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.
- B. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.
- C. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.
- D. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.
- B. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính.
- C. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính.
- D. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao.
- B. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra.
- C. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.
- D. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.

Câu 19. Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là gì?

- A. Dữ liệu được lưu trữ.
- B. Thông tin vào.
- C. Thông tin ra.
- D. Thông tin máy tính.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Thông tin là những gì có giá trị, dữ liệu là những thứ vô giá trị.
- B. Thông tin đem lại cho con người sự hiểu biết.
- C. Sự tiếp nhận thông tin phụ thuộc vào sự hiểu biết của mỗi người.
- D. Thông tin có thể làm thay đổi hành động của con người.

Câu 21. Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. máy tính và phần mềm mạng.
- B. máy tính và thiết bị kết nối.
- C. thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.
- D. thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

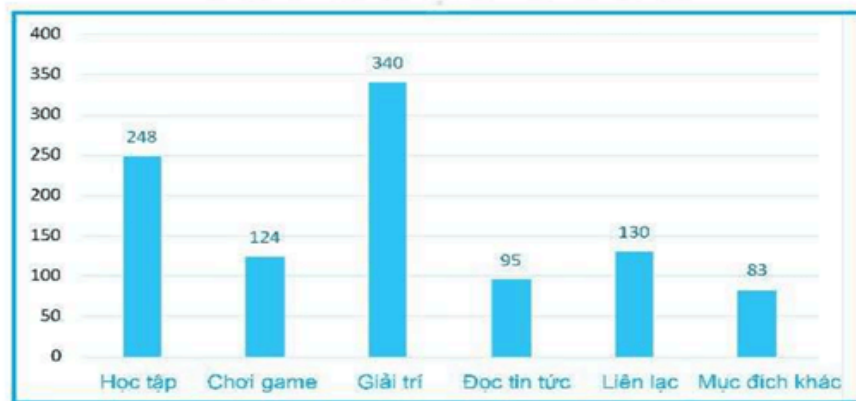
Câu 22. Trong các nhận định sau, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

- A. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.
- B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.

C. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.

D. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.

Câu 23. Bạn Khoa vẽ biểu đồ trên giấy như sau:



Hình 3. Biểu đồ cột

Theo em tờ giấy của bạn Khoa đóng vai trò là gì?

A. Thông tin.

B. Dữ liệu.

C. Tất cả đều đúng.

D. Vật mang tin.

Câu 24. Một gigabyte xấp xỉ bằng:

A. một nghìn byte.

B. một triệu byte.

C. một nghìn tỉ byte.

D. một tỉ byte.

Câu 25. Trong trường hợp nào dưới đây mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây?

A. Trao đổi thông tin cần tính bảo mật cao.

B. Trao đổi thông tin cần tính ổn định.

C. Trao đổi thông tin tốc độ cao.

D. Trao đổi thông tin khi di chuyển.

Câu 26. Dựa vào môi trường truyền dẫn ta phân mạng máy tính thành hai loại là:

A. LAN và WAN.

B. mạng Khách – Chủ.

C. mạng nhiều máy tính và một máy tính.

D. mạng không dây và mạng có dây.

Câu 27. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.

B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.

C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.

D. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 28. Thiết bị đầu cuối nào có thể kết nối Bộ chuyển mạch (Switch)?

A. Cả 3 đáp án trên.

B. Điện thoại thông minh.

C. Tivi.

D. Máy in.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 29 (2,0 điểm): Phân tích quá trình giải bài toán tính chu vi hình chữ nhật?

Câu 30 (1,0 điểm): Một thẻ nhớ có dung lượng 1Gb thì chứa được bao nhiêu bức hình có dung lượng 2Mb?

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Lớp:

Mã đề 603

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.
- B. máy tính và phần mềm mạng.
- C. thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.
- D. máy tính và thiết bị kết nối.

Câu 2. Phát biểu nào **không đúng** khi nói về Internet?

- A. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.
- B. Một mạng kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lí.
- C. Một mạng kết nối các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin, ...
- D. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.

Câu 3. Em hãy cho biết vì sao người dùng có thể tiếp cận, chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lí khi kết nối vào?

- A. mạng máy tính
- B. Mạng internet.
- C. Máy tính.
- D. Laptop.

Câu 4. Một gigabyte xấp xỉ bằng:

- A. một triệu byte.
- B. một nghìn tỉ byte.
- C. một nghìn byte.
- D. một tỉ byte.

Câu 5. Phát biểu **sai** là?

- A. Kết nối không dây giúp người sử dụng có thể linh hoạt thay đổi vị trí mà vẫn duy trì kết nối mạng.
- B. Kết nối không dây chỉ dùng với thiết bị di động.
- C. Đường truyền dữ liệu nhìn thấy sử dụng dây dẫn mạng.
- D. Đường truyền dữ liệu có hai loại: nhìn thấy và không nhìn thấy.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Sự tiếp nhận thông tin phụ thuộc vào sự hiểu biết của mỗi người.
- B. Thông tin đem lại cho con người sự hiểu biết.
- C. Thông tin có thể làm thay đổi hành động của con người.
- D. Thông tin là những gì có giá trị, dữ liệu là những thứ vô giá trị.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.
- B. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra.
- C. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.
- D. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây nêu **sai** đặc điểm của mạng không dây và mạng có dây?

- A. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các điện thoại di động.
- B. Mạng không dây kết nối các máy tính bằng sóng điện từ (sóng vô tuyến).
- C. Mạng có dây có thể đặt cáp đến bất cứ địa điểm và không gian nào.
- D. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng cáp.

Câu 9. Dựa vào môi trường truyền dẫn ta phân mạng máy tính thành hai loại là:

- A. LAN và WAN.
- B. mạng không dây và mạng có dây.
- C. mạng Khách – Chủ.
- D. mạng nhiều máy tính và một máy tính.

Câu 10. Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì:

- A. dãy bit đáng tin cậy hơn.
- B. dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn.
- C. máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1.
- D. dãy bit được xử lí dễ dàng hơn.

Câu 11. Một bit được biểu diễn bằng:

- A. kí hiệu 0 hoặc 1.
- B. một chữ cái.
- C. chữ số bất kì.
- D. một kí hiệu đặc biệt.

Câu 12. Trong trường hợp nào dưới đây mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây?

- A. Trao đổi thông tin cần tính ổn định.
- B. Trao đổi thông tin cần tính bảo mật cao.
- C. Trao đổi thông tin khi di chuyển.

D. Trao đổi thông tin tốc độ cao.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây **không chính xác**?

A. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.

B. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại.

C. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.

D. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.

Câu 14. Thông tin dạng âm thanh là thông tin nào bên dưới đây?

A. Hẹn bạn Hương cùng đi học.

B. Tiếng chim hót.

C. Ăn sáng trước khi đến trường.

D. Đi học mang theo áo mưa.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

B. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.

C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.

D. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.

Câu 16. Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng:

A. dãy bit.

B. số thập phân.

C. thông tin.

D. các kí tự.

Câu 17. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

A. Internet.

B. Máy tính.

C. Mạng máy tính.

D. Laptop.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính.

B. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính.

C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính.

D. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.

Câu 19. Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ

A. máy quét.

B. máy in.

C. dữ liệu.

D. bàn phím và chuột.

Câu 20. Trong các nhận định sau, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

A. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.

B. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.

C. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.

D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.

Câu 21. Phát biểu nào sau đây **không phải** là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

A. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.

B. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.

C. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

D. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến.

Câu 22. Công cụ nào sau đây **không** là vật mang tin?

A. Xô, chậu.

B. Giấy.

C. Thẻ nhớ.

D. Cuộn phim

Câu 23. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh, ...

B. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.

C. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn.

D. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng dây dẫn mạng.

Câu 24. Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là

A. digit.

B. byte.

C. kilobyte.

D. bit.

Câu 25. Thiết bị đầu cuối nào có thể kết nối Bộ chuyển mạch (Switch)?

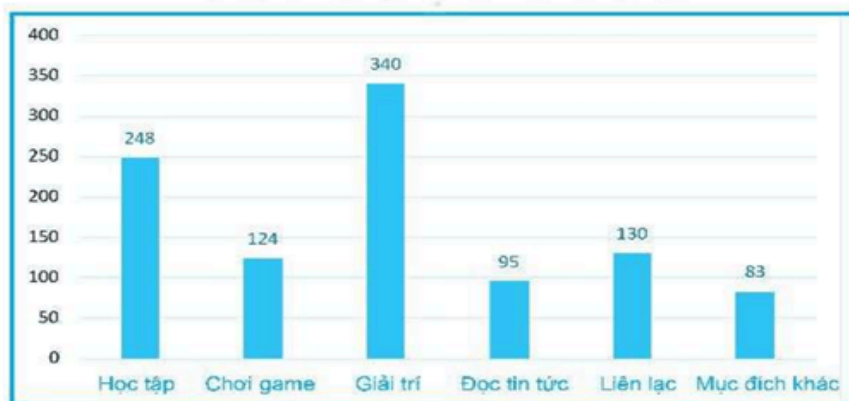
A. Cả 3 đáp án trên.

B. Tivi.

C. Điện thoại thông minh.

D. Máy in.

Câu 26. Bạn Khoa vẽ biểu đồ trên giấy như sau:



Hình 3. Biểu đồ cột

Theo em tờ giấy của bạn Khoa đóng vai trò là gì?

A. Vật mang tin.

B. Tất cả đều đúng.

C. Dữ liệu.

D. Thông tin.

Câu 27. Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là gì?

A. Thông tin ra.

B. Thông tin máy tính.

C. Thông tin vào.

D. Dữ liệu được lưu trữ.

Câu 28. Một máy tính ở Hà Nội kết nối với một máy tính ở thành phố Hồ Chí Minh để có thể sao chép tệp và gửi thư điện tử. Theo em, được xếp vào những loại mạng nào?

A. Mạng có dây.

B. Mạng LAN.

C. Mạng WAN.

D. Mạng không dây.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 29 (2,0 điểm): Phân tích quá trình giải bài toán tính chu vi hình chữ nhật?

Câu 30 (1,0 điểm): Một thẻ nhớ có dung lượng 1Gb thì chứa được bao nhiêu bức hình có dung lượng 2Mb?

----- **HẾT** -----

B. dữ liệu.

C. máy in.

D. máy quét.

Câu 7. Mạng máy tính gồm các thành phần:

A. máy tính và phần mềm mạng.

B. máy tính và thiết bị kết nối.

C. thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

D. thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Thông tin có thể làm thay đổi hành động của con người.

B. Thông tin là những gì có giá trị, dữ liệu là những thứ vô giá trị.

C. Thông tin đem lại cho con người sự hiểu biết.

D. Sự tiếp nhận thông tin phụ thuộc vào sự hiểu biết của mỗi người.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng dây dẫn mạng.

B. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh, ...

C. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn.

D. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không phải** là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

A. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến.

B. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.

C. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

D. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.

Câu 11. Công cụ nào sau đây **không** là vật mang tin?

A. Cuộn phim

B. Giấy.

C. Thẻ nhớ.

D. Xô, chậu.

Câu 12. Một bit được biểu diễn bằng:

A. kí hiệu 0 hoặc 1.

B. chữ số bất kì.

C. một chữ cái.

D. một kí hiệu đặc biệt.

Câu 13. Dựa vào môi trường truyền dẫn ta phân mạng máy tính thành hai loại là:

A. mạng không dây và mạng có dây.

B. mạng Khách – Chủ.

C. mạng nhiều máy tính và một máy tính.

D. LAN và WAN.

Câu 14. Thiết bị đầu cuối nào có thể kết nối Bộ chuyển mạch (Switch)?

- A. Điện thoại thông minh.
- B. Tivi.
- C. Cả 3 đáp án trên.
- D. Máy in.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không chính xác**?

- A. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại.
- B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.
- C. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.
- D. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.

Câu 16. Trong các nhận định sau, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

- A. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.
- B. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.
- C. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.
- D. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.

Câu 17. Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì:

- A. dãy bit đáng tin cậy hơn.
- B. máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1.
- C. dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn.
- D. dãy bit được xử lí dễ dàng hơn.

Câu 18. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

- A. Mạng máy tính.
- B. Máy tính.
- C. Laptop.
- D. Internet.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.
- B. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.
- C. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.
- D. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.
- B. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao.
- C. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.
- D. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra.

Câu 21. Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng:

- A. các kí tự. B. thông tin. C. số thập phân. D. dãy bit.

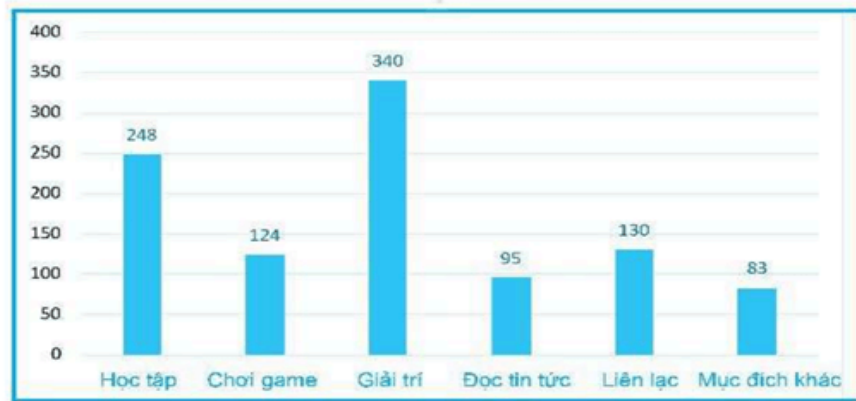
Câu 22. Phát biểu nào **không đúng** khi nói về Internet?

- A. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.
B. Một mạng kết nối các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin, ...
C. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.
D. Một mạng kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lí.

Câu 23. Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là

- A. kilobyte. B. digit. C. byte. D. bit.

Câu 24. Bạn Khoa vẽ biểu đồ trên giấy như sau:



Hình 3. Biểu đồ cột

Theo em tờ giấy của bạn Khoa đóng vai trò là gì?

- A. Vật mang tin. B. Dữ liệu. C. Tất cả đều đúng. D. Thông tin.

Câu 25. Một gigabyte xấp xỉ bằng:

- A. một nghìn tỉ byte. B. một tỉ byte.
C. một triệu byte. D. một nghìn byte.

Câu 26. Một máy tính ở Hà Nội kết nối với một máy tính ở thành phố Hồ Chí Minh để có thể sao chép tệp và gửi thư điện tử. Theo em, được xếp vào những loại mạng nào?

- A. Mạng có dây. B. Mạng LAN. C. Mạng WAN. D. Mạng không dây.

Câu 27. Phát biểu nào sau đây nêu **sai** đặc điểm của mạng không dây và mạng có dây?

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng cáp.
B. Mạng có dây có thể đặt cáp đến bất cứ địa điểm và không gian nào.
C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các điện thoại di động.
D. Mạng không dây kết nối các máy tính bằng sóng điện từ (sóng vô tuyến).

Câu 28. Thông tin dạng âm thanh là thông tin nào bên dưới đây?

A. Hẹn bạn Hương cùng đi học.

B. Đi học mang theo áo mưa.

C. Ăn sáng trước khi đến trường.

D. Tiếng chim hót.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 29 (2,0 điểm): Phân tích quá trình giải bài toán tính chu vi hình chữ nhật?

Câu 30 (1,0 điểm): Một thẻ nhớ có dung lượng 1Gb thì chứa được bao nhiêu bức hình có dung lượng 2Mb?

----- **HẾT** -----

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Phần trắc nghiệm HS làm bài trên trên giấy kiểm tra GV chấm theo đáp án.
- Phần tự luận HS làm trên giấy GV chấm theo đáp án.
- Bài làm đạt điểm tối đa phải đảm bảo về cách lập luận chặt chẽ trong trình bày, không sai chính tả, bài làm sạch sẽ.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Chọn vào câu trả lời đúng nhất (từ câu 1 đến câu 28, mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
601	A	A	B	C	B	A	D	C	C	D	B	D	C	C
	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	C	D	B	B	D	C	D	C	C	D	A	D	B	C

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
602	A	A	A	C	D	D	A	C	B	B	D	D	D	A
	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	B	A	B	D	B	A	C	B	D	D	D	D	B	D

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
603	A	B	B	D	B	D	C	C	B	C	A	C	A	B
	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	D	A	A	B	D	C	A	A	C	D	D	A	C	C

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
604	C	A	C	C	B	A	D	B	C	D	D	A	A	D
	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	D	C	B	D	A	C	D	D	D	A	B	C	B	D

II. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm).

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 29 (2,0 điểm)	- Đầu vào: chiều dài, chiều rộng hình chữ nhật	0,5
	- Xử lí: Chu vi = (chiều dài + chiều rộng) * 2	1,0
	- Đầu ra: Chu vi hình chữ nhật	0,5
Câu 30 (1,0 điểm)	- Đổi 1GB = 1024MB	0,5
	- Số bức hình lưu được là $1024/2 = 512$ (bức)	0,5

Phường Thống Nhất, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Duyệt của BGH



Lê Thị Bích Hoa

Duyệt của TTCM

Nguyễn Thị Hiền Vi

Giáo viên ra đề

Ngô Thị Hồng Sương